

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Võ Đình Phụng

Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM
phungvd1@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Nghiên cứu thực hiện việc đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả đầu tư thông qua chất lượng báo cáo tài chính của các công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Kết quả nghiên cứu của tác giả cho thấy có sáu yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính và từ đó tác động đến hiệu quả đầu tư gồm: nhà quản trị doanh nghiệp; mục đích báo cáo tài chính, bộ máy kế toán, chính sách thuế, kiểm soát nội bộ, ứng dụng công nghệ. Cụ thể là quản trị doanh nghiệp, bộ máy kế toán và chính sách thuế là ba yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng báo cáo tài chính sẽ giúp cải thiện hiệu quả đầu tư. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định các yếu tố ảnh hưởng và qua đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng báo cáo và cải thiện hiệu quả đầu tư.

Từ khóa— Chất lượng báo cáo tài chính, hiệu quả đầu tư, thị trường chứng khoán.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thị trường chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua cơ chế huy động vốn hiệu quả từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nguồn vốn này không chỉ giúp các doanh nghiệp ở nhiều quy mô - từ những công ty vừa và nhỏ đến các tập đoàn đa quốc gia - có điều kiện mở rộng hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông. Hơn thế nữa, sự phát triển của thị trường chứng khoán góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP quốc gia, phản ánh vai trò then chốt của nó trong hệ thống tài chính và nền kinh tế vĩ mô.

Để thị trường chứng khoán phát triển bền vững và vận hành hiệu quả, cần có một hệ thống cơ chế chính sách đồng bộ, bao gồm khung pháp lý chặt chẽ cho hoạt động quản lý và giám sát thị trường, quy định minh bạch đối với các sở giao dịch chứng khoán, cũng như các yêu cầu khắt khe đối với doanh nghiệp niêm yết nhằm đảm bảo tính công khai và lành mạnh trong huy động vốn. Đồng thời, việc thiết lập các nguyên tắc rõ ràng cho hoạt động đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước lẫn quốc tế là yếu tố then chốt giúp duy trì sự ổn định, nâng cao tính thanh khoản và tăng cường niềm tin vào thị trường tài chính.

Các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán thường áp dụng các nguyên tắc phân tích cổ phiếu dựa trên hai phương pháp chính: phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản. Phân tích kỹ thuật dựa vào các mô hình và chỉ báo trên biểu đồ giá để nhận diện xu hướng thị trường, trong khi phân tích cơ bản tập trung vào đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính và các thông tin công bố chính thức. Báo cáo tài chính đóng vai trò cốt lõi trong việc phản ánh toàn diện kết quả hoạt động kinh doanh, giúp nhà đầu tư đánh giá hiệu quả vận hành, dự báo triển vọng phát triển cũng như nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý và tối ưu hóa danh mục tài sản của mình.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính chính xác trong đánh giá và dự báo, chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết cần đáp ứng các tiêu chí về tính trung thực, minh bạch và kịp thời. Trên thực tế, vẫn tồn tại không ít trường hợp doanh nghiệp cố tình điều chỉnh số liệu tài chính nhằm tô vẽ kết quả kinh doanh, dẫn đến sự sai lệch đáng kể so với thực trạng. Hệ lụy của việc này không chỉ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các cổ đông mà còn gây rủi ro hệ thống đối với toàn bộ thị trường chứng khoán. Cơ quan quản lý có thể gặp khó khăn trong việc giám sát và điều hành thị trường, trong khi nhà đầu tư đối diện với nguy cơ tổn thất lớn do thông tin sai lệch. Hơn nữa, những hành vi này còn làm suy giảm uy tín của doanh nghiệp niêm yết trong mắt đối tác chiến lược, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời tác động tiêu cực đến sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống tài chính quốc gia.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu này tập trung vào việc tổng hợp, phân tích, đo lường, kiểm định và đánh giá các yếu tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM (HoSE). Thông qua việc làm rõ mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư, nghiên cứu hướng đến việc đưa ra các hàm ý quản trị phù hợp, góp phần nâng cao tính minh bạch của thông tin tài chính, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư và củng cố niềm tin vào thị trường chứng khoán. Đó chính là lý do cấp thiết mà tác giả chọn đề tài “Mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM” làm đề tài để nghiên cứu với quy mô cấp trường trong giai đoạn này.

II. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN

A. NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Kết quả phân tích của Trần Thị Nguyệt Nga & Lê Thị Mến (2022) cho thấy, chất lượng báo cáo tài chính của các công ty nhóm ngành công nghiệp chịu ảnh hưởng tích cực bởi tỷ lệ sở hữu, thu nhập của CEO và chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi tuổi, quyền kiểm nhiệm của CEO. Khuyến nghị công ty nhóm ngành công nghiệp nên khuyến khích các CEO sở hữu cổ phần của công ty, khuyến khích tăng lương thưởng cho CEO cũng như không khuyến khích tuyển dụng hay bổ nhiệm CEO quá lớn tuổi và cần phải tách biệt vị trí Chủ tịch hội đồng quản trị với CEO để tăng chất lượng báo cáo tài chính [1].

Theo nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thái, Đỗ Ngọc Phương và Nguyễn Thị Hồng (2021), lý thuyết thông tin bất cân xứng phân tích mối quan hệ giữa nhà quản lý và thị trường, nhấn mạnh cách nhà quản lý sử dụng lợi thế thông tin để dự đoán các sự kiện liên quan đến doanh nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng bất cân xứng thông tin, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị doanh nghiệp. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ 202 công ty phi tài chính với 606 quan sát theo năm, thu thập từ hai sàn giao dịch lớn tại Việt Nam (HNX và HoSE) trong giai đoạn 2017-2019. Kết quả chỉ ra rằng hai biến đo lường thông tin bất cân xứng (ASYDISP và ASYDUM) có tác động tiêu cực đến giá trị doanh nghiệp, cho thấy mức độ bất cân xứng thông tin càng cao thì giá trị doanh nghiệp càng giảm. Các biến kiểm soát như tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), đòn bẩy tài chính, quy mô doanh nghiệp và tài sản vô hình cũng có ảnh hưởng đáng kể. Nghiên cứu này làm rõ tác động của thông tin bất cân xứng đối với giá trị doanh nghiệp, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của việc cung cấp thông tin tài chính minh bạch và kịp thời để giảm thiểu bất cân xứng, từ đó nâng cao giá trị doanh nghiệp [2].

Nhóm tác giả Nguyễn Hồng Thảo, Trần Văn Thảo (2018) đã nghiên cứu và xác định sự tác động và mức độ tác động các nhân tố: Nhà quản trị của doanh nghiệp; mục đích lập báo cáo tài chính; quy mô doanh nghiệp; bộ máy kế toán; chính sách thuế và công tác kiểm tra đến chất lượng báo cáo tài chính của các DNNVV tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, các yếu tố được đánh giá cụ thể về sự tác động đến biến phụ thuộc, theo mức độ mạnh yếu khác nhau. Cụ thể có ba nhân tố tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính đó là: nhân tố Bộ máy kế toán của công ty; nhân tố Mục đích lập báo cáo tài chính và nhân tố Nhà quản trị công ty. Các nhân tố còn lại là không tác động và tác động ngược chiều [3]. Nguyễn Thị Phương Hồng, Huỳnh Lợi (2016) cho rằng để xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính, cần đo lường thông qua chất lượng lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam [4].

Nhóm nghiên cứu Nguyễn Thị Kim Loan, Nguyễn Thị Kim Cúc; Nguyễn Anh Hiền (2023) tập trung nghiên cứu nhằm kiểm định và khám phá ảnh hưởng từ các đặc điểm của giám đốc điều hành đến chất lượng báo cáo tài chính, tác động đến hiệu quả đầu tư của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Các đặc điểm của giám đốc điều hành bao gồm tuổi, giới tính nữ, nhiệm kỳ, trình độ chuyên môn tài chính-kế toán và sự kiêm nhiệm, có tác động đa chiều đến chất lượng báo cáo tài chính [5]. Kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Phương Anh, Vũ Minh Hà, Nguyễn Thị Thu Hồng (2017) cho thấy: việc tăng chất lượng báo cáo tài chính và mức nợ ngắn hạn sẽ góp phần làm gia tăng hiệu quả đầu tư cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, bài nghiên cứu cũng tìm thấy được mối quan hệ thay thế giữa chất lượng báo cáo tài chính và nợ ngắn hạn trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư: doanh nghiệp sử dụng nợ ngắn hạn ít hơn (nhiều hơn) thì mức độ tác động của chất lượng báo cáo tài chính lên hiệu quả đầu tư sẽ cao hơn (thấp hơn) [6].

Tác giả Đỗ Hoàng Anh Thư, Lê Thị Mỹ Hạnh (2018) nghiên cứu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của báo cáo tài chính, nghiên cứu được thực nghiệm tại các công ty niêm yết có vốn đầu tư nước ngoài trên sàn chứng khoán TP HCM (HSX). Kết quả cho thấy nhóm tác giả đã thu được bằng chứng thực nghiệm về tác động của các nhân tố đến độ tin cậy của Báo cáo tài chính, bao gồm: quy mô của công ty, doanh thu, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nước ngoài và chất lượng công ty kiểm toán. Đặc biệt qua đánh giá từ kết quả, nhóm tác giả kết luận, nhân tố: doanh thu, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu, chất lượng công ty kiểm toán là những nhân tố có tác động tích cực đến mức độ tin cậy của báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết [7].

Mai Thị Hoàng Minh, Trần Vũ Hải (2019) nghiên cứu các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của công ty xây dựng niêm yết trên sàn chứng khoán HSX. Nhóm tác giả khẳng định: Để thông tin trên báo cáo tài chính thực sự hữu ích, đạt các tiêu chuẩn chất lượng, thì việc tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính là một mắt xích quan trọng, để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính. Theo nhóm tác giả, mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tìm ra các nhân tố cốt lõi tác động một cách độc lập đến thông tin trên báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố tác động bao gồm: Quyền sở hữu của nhà quản lý, sự sở hữu tập trung, sự kiêm nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc, quy mô công ty, tuổi của công ty [8].

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính đối với các công ty niêm yết có giao dịch sản phẩm phái sinh trên thị trường chứng khoán, nhóm tác giả Vũ Thị Phương Mai, Nguyễn Phúc Sinh (2017) cho rằng: Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường hội nhập, báo cáo tài chính có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin đối với nhà đầu tư, các tổ chức quản lý, điều hành thị trường, là điều kiện thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển hiệu quả và lành mạnh, đặc biệt là chứng khoán phái sinh còn khá non trẻ ở Việt Nam [9].

Ảnh hưởng của cơ cấu quản trị công ty đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đó là đề tài nghiên cứu của nhóm tác giả: Nguyễn Đào Tuyết Linh, Võ Văn Nhị (2021). Kết quả nghiên cứu khẳng định: Báo cáo tài chính có chất lượng càng cao, càng giúp nâng cao chất lượng và tính hiệu quả của vốn đầu tư, giảm thiểu việc đầu tư quá nhiều hoặc quá thiếu [10].

Hoàng Thị Hồng Lê, Đỗ Thị Huyền và Phan Thùy Dương (2022) trình bày sự ảnh hưởng của cấu trúc kiểm soát nội bộ đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện trên dữ liệu sơ cấp thu thập bằng bảng câu hỏi và dữ liệu thứ cấp thu thập từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam được lấy mẫu. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy doanh nghiệp xây dựng có môi trường kiểm soát lành mạnh, việc đánh giá rủi ro được thực hiện tốt, việc thực thi đúng và đủ các quy trình được thiết kế phù hợp, việc truyền thông hiệu quả, việc giám sát tốt thì doanh nghiệp thường có hiệu quả tài chính tốt [11].

B. NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

Lý thuyết đại diện (Agency Theory) là một trong những học thuyết quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị doanh nghiệp, được phát triển bởi Jensen và Meckling (1976), là một học thuyết quan trọng trong kinh tế và quản trị doanh nghiệp [12]. Theo Chtaoui Abderrahim, Darif Morad, Benhrimida Mohamed, Sadiki Ahmed, Farrat Outmane, Hajji Zouhair (2004), lý thuyết này tập trung vào mối quan hệ giữa bên ủy quyền (principal), thường là cổ đông hoặc chủ sở hữu doanh nghiệp, và bên đại diện (agent), là nhà quản lý hoặc ban lãnh đạo. Mối quan hệ này thường phát sinh xung đột lợi ích do sự bất cân xứng thông tin và mục tiêu khác biệt giữa hai bên. Nhà quản lý có thể sử dụng lợi thế thông tin để ưu tiên lợi ích cá nhân thay vì lợi ích của cổ đông, dẫn đến các vấn đề như điều chỉnh báo cáo tài chính nhằm che giấu rủi ro hoặc làm đẹp kết quả kinh doanh. Một vấn đề trọng tâm của lý thuyết đại diện là chi phí đại diện (agency cost), bao gồm chi phí giám sát, chi phí ràng buộc, và tổn thất do nhà quản lý không hành động vì lợi ích tốt nhất của cổ đông. Sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát trong doanh nghiệp làm gia tăng xung đột lợi ích, khiến cổ đông gặp khó khăn trong việc giám sát hoạt động của nhà quản lý. Điều này tạo điều kiện cho các hành vi không minh bạch, như điều chỉnh số liệu kế toán hoặc che giấu rủi ro tài chính. Để giảm thiểu chi phí đại diện, lý thuyết đề xuất các cơ chế như tăng cường vai trò giám sát của hội đồng quản trị, áp dụng kiểm toán độc lập, và thiết lập hợp đồng khuyến khích dựa trên hiệu suất. Các nghiên cứu đã nhấn mạnh rằng việc phân tách rõ ràng giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát sẽ giảm xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả quản trị [13].

Theo Kamile Asli Basoglu và Traci J. Hess (2014), lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory) được áp dụng để nghiên cứu vai trò của nội dung phi tài chính trong báo cáo kinh doanh điện tử (e-BR) như một tín hiệu quan trọng, đặc biệt đối với các nhà đầu tư không chuyên. Nghiên cứu thực nghiệm đã thay đổi chất lượng e-BR và hiệu quả hoạt động của công ty để đánh giá tác động của e-BR lên nhận thức về chất lượng đầu tư và ý định đầu tư. Kết quả cho thấy nội dung phi tài chính trong e-BR có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức về sự đáng tin cậy và chất lượng đầu tư. Đặc biệt, khi hiệu quả tài chính của công ty thấp, e-BR chất lượng cao giúp cải thiện nhận thức của nhà đầu tư, từ đó tác động tích cực đến ý định đầu tư. Những phát hiện này nhấn mạnh vai trò chiến lược của e-BR trong việc xây dựng niềm tin và cải thiện mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư. Việc cung cấp thông tin phi tài chính chất lượng cao không chỉ giảm thiểu bất cân xứng thông tin mà còn tăng cường khả năng thuyết phục nhà đầu tư về tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thị trường vốn cạnh tranh ngày càng gay gắt [14].

Các nghiên cứu gần đây của Abewaw, A. W (2020), đã xem xét nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính (FRQ) trong các bối cảnh khác nhau. Các yếu tố nội bộ như mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, đạo đức kinh doanh và nhu cầu của người sử dụng thông tin tài chính có tác động tích cực đến FRQ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp cải thiện tính chính xác và kịp thời của báo cáo tài chính, trong khi đạo đức kinh doanh góp phần nâng cao tính trung thực và minh bạch của thông tin tài chính. Ngoài ra, sự phù hợp của báo cáo tài chính với nhu cầu của người sử dụng đảm bảo khả năng ra quyết định hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng thông tin tài chính cung cấp cho các bên liên quan [15].

Nhóm tác giả Hari Setiyawati, Nurul Hidayah, Dien Noviany Rahmatika, Dewi Indriasih (2020) đã nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính tại Indonesia. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định ảnh hưởng của việc áp dụng các nguyên tắc: Quản trị công ty tốt, tuân thủ pháp luật và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ đến chất lượng báo cáo tài chính. Kết quả của nghiên cứu này cũng kết luận rằng, việc áp dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp tốt, có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng báo cáo tài chính. Đối với việc: tuân thủ pháp luật và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ, cũng có những ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp [16].

Có thể kể đến nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính trong việc ra quyết định đầu tư của nhóm tác giả Bayar Gardi, Pshdar Abdalla Hamza, Khowanas Saeed Qader, Hawkar Anwar Hamad, Dr. Govand Anwar (2021). Nghiên cứu này đã đưa ra mô hình với 8 yếu tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính: môi trường pháp lý, yếu tố kinh doanh, tính độc lập, trình độ chuyên môn, kiểm soát chất lượng, năng lực, quy định, yếu tố chính trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các yếu tố đều có sự tác động tích cực đến chất

lượng báo cáo tài chính. Các phát hiện của nghiên cứu chỉ ra rằng phương pháp phỏng đoán, việc sử dụng các công cụ tài chính và quản trị doanh nghiệp ở cấp độ công ty, đều có tác động tích cực và đáng kể đến các quyết định đầu tư [17]. Tuy nhiên, tâm lý ngại rủi ro có tác động tiêu cực đến các quyết định đầu tư (Anwar, 2016).

Nghiên cứu của Thi Giang Tan Tran, Quoc Thuan Pham, Thi Thu Phuong Tran, và Thi Thao Hien Bui (2023) chủ yếu dựa trên lý thuyết đại diện, nghiên cứu này xem xét tác động của thực thi thuế và kiểm toán độc lập đến hiệu quả kiểm soát nội bộ và chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp Việt Nam. Phân tích dữ liệu được áp dụng cho PLS-SEM. Phương pháp khảo sát được thực hiện trên mẫu 341 doanh nghiệp có trụ sở chính chủ yếu tại ba thành phố lớn nhất Việt Nam (Hà Nội, TPHCM và Đà Nẵng) từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2021. Kết quả cho thấy cả ba yếu tố: kiểm toán độc lập, thực thi thuế và hiệu quả kiểm soát nội bộ đều có tác động đáng kể đến chất lượng báo cáo tài chính; trong đó, thực thi thuế có tác động tiêu cực trong khi hai yếu tố còn lại có tác động tích cực [18].

Nghiên cứu từ nhóm tác giả Dang Ngoc Hung, Vu Thi Thuy Van & Lan Archer (2023), đối với đề tài Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính theo quan điểm kiểm toán: Phương pháp học máy (nghiên cứu đăng trên tạp chí tiếng Anh). Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng và tầm quan trọng của đặc điểm doanh nghiệp đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ góc độ kiểm toán. Nhóm tác giả kết luận: Lợi nhuận kinh doanh, quy mô doanh nghiệp và quy mô của hội đồng quản trị, có mối tương quan tích cực với chất lượng báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính, bao gồm: Khả năng sinh lời, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, sở hữu nhà nước và quy mô doanh nghiệp [19].

Các nhà nghiên cứu Belal Nayef Turki Shatnawi, Thaer Abu Taber (2020) xác định vai trò của việc sử dụng kỹ thuật hành chính hiện đại trong kế toán quản trị, là công nghệ chi phí mục tiêu và công nghệ chi phí chất lượng, công nghệ kỹ thuật có giá trị trong việc giảm chi phí sản xuất tại các công ty công nghiệp Jordan, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Amman. Với công nghệ này đã chứng tỏ khả năng trong việc giảm chi phí sản xuất, cung cấp thông tin cần thiết cho các bộ phận cấp trên để đưa ra quyết định phù hợp, giúp các công ty cạnh tranh tốt trên thị trường [20]. Nhóm nghiên cứu Arisandi, A., Islami, H. A., & Soeprajitno, R. R. W. N (2022), cho thấy mẫu được chọn bằng phương pháp lấy mẫu có chủ đích. Phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu này là sử dụng STATA. Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng việc công bố kiểm soát nội bộ có liên quan đáng kể đến chất lượng báo cáo tài chính [21].

Theo Nguyễn Hoàng Thái, Đỗ Ngọc Phương, Nguyễn Thị Hồng (2021), lý thuyết thông tin bất cân xứng phân tích mối quan hệ giữa nhà quản lý và thị trường, chỉ ra rằng nhà quản lý có thể sử dụng lợi thế thông tin để dự đoán sự kiện liên quan đến doanh nghiệp, dẫn đến sự bất cân xứng thông tin và ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị doanh nghiệp. Nghiên cứu từ 202 công ty phi tài chính tại Việt Nam trong giai đoạn 2017-2019 cho thấy hai biến đo lường thông tin bất cân xứng (ASYDISP và ASYDUM) có tác động tiêu cực đến giá trị doanh nghiệp. Các yếu tố như tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), đòn bẩy tài chính, quy mô doanh nghiệp và tài sản vô hình cũng ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp. Nghiên cứu này nhấn mạnh rằng giảm thiểu bất cân xứng thông tin thông qua cung cấp thông tin tài chính minh bạch là cần thiết để nâng cao giá trị doanh nghiệp [22]. Theo lý thuyết đại diện (Agency Theory), mối quan hệ giữa cổ đông và nhà quản lý thường phát sinh xung đột lợi ích do sự bất cân xứng thông tin. Nhà quản lý có thể điều chỉnh báo cáo tài chính để đạt được các mục tiêu cá nhân, ảnh hưởng đến tính minh bạch và quyết định đầu tư. Lý thuyết này đề xuất các cơ chế giảm chi phí đại diện, như giám sát của hội đồng quản trị, kiểm toán độc lập và hợp đồng khuyến khích dựa trên hiệu suất. Báo cáo kinh doanh điện tử (e-BR) ngày càng được chấp nhận nhờ vào khả năng truyền tải thông tin tài chính và phi tài chính nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory), theo nghiên cứu của Kamile Asli Basoglu và Traci J. Hess (2014), chỉ ra rằng nội dung phi tài chính trong e-BR có ảnh hưởng lớn đến nhận thức của nhà đầu tư về sự đáng tin cậy và chất lượng đầu tư, đặc biệt khi hiệu quả tài chính của công ty thấp. Việc sử dụng e-BR chất lượng cao có thể cải thiện nhận thức của nhà đầu tư và ảnh hưởng tích cực đến ý định đầu tư. Điều này chứng tỏ rằng e-BR không chỉ là công cụ truyền tải thông tin mà còn là tín hiệu mạnh mẽ giúp doanh nghiệp xây dựng niềm tin, cải thiện hình ảnh thương hiệu và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Nghiên cứu về tác động của e-BR sẽ cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn để tối ưu hóa chiến lược truyền thông doanh nghiệp trong kỷ nguyên kỹ thuật số [23].

Chất lượng báo cáo tài chính là yếu tố quan trọng phản ánh tính minh bạch và trung thực của thông tin tài chính, hỗ trợ quyết định kinh tế của nhà đầu tư và các bên liên quan. Các yếu tố như “Bộ máy kế toán”, “Kiểm soát nội bộ” và “Ứng dụng công nghệ” có tác động mạnh mẽ đến chất lượng này. Bộ máy kế toán đảm bảo các giao dịch kinh tế được ghi nhận chính xác và kịp thời. Một bộ máy kế toán tổ chức tốt sẽ giúp doanh nghiệp tuân thủ chuẩn mực kế toán và tạo ra báo cáo tài chính chính xác. Nghiên cứu tại Bà Rịa – Vũng Tàu cho thấy bộ máy kế toán có tác động đáng kể ($\beta = 0,208$) đến chất lượng thông tin tài chính. Kiểm soát nội bộ giúp đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính. Mô hình COSO (2013) bao gồm năm yếu tố, trong đó môi trường kiểm soát đóng vai trò quan trọng nhất. Hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả giúp phát hiện sớm sai lệch hoặc gian lận. Nghiên cứu tại

TPHCM cho thấy môi trường kiểm soát có ảnh hưởng lớn nhất ($\beta = 0,407$) đến chất lượng báo cáo tài chính. Ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng báo cáo tài chính thông qua tự động hóa quy trình và giảm sai sót. Các hệ thống như ERP và trí tuệ nhân tạo (AI) giúp tăng cường chính xác và phân tích dữ liệu tài chính. Khảo sát của KPMG (2024) cho thấy 72% doanh nghiệp đã ứng dụng AI vào báo cáo tài chính. Tuy nhiên, mỗi yếu tố đều có thách thức cần quản lý hiệu quả. Bộ máy kế toán cần đào tạo liên tục, hệ thống kiểm soát cần phù hợp với đặc thù doanh nghiệp, và công nghệ phải đi kèm với bảo mật dữ liệu. Tóm lại, sự kết hợp giữa bộ máy kế toán chuyên nghiệp, hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và công nghệ tiên tiến sẽ nâng cao chất lượng báo cáo tài chính, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bộ máy kế toán đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng thông tin tài chính của doanh nghiệp. Khi được tổ chức tốt với đội ngũ nhân sự chuyên môn cao và quy trình làm việc chặt chẽ, hệ thống kế toán sẽ giúp doanh nghiệp tuân thủ chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật, đồng thời ghi nhận và xử lý thông tin tài chính một cách trung thực, kịp thời và đầy đủ. Sự minh bạch và chính xác của hệ thống kế toán là yếu tố cốt lõi để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính, giúp các bên liên quan có cái nhìn đáng tin cậy về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Một báo cáo tài chính minh bạch không chỉ giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn mà còn nâng cao uy tín của doanh nghiệp, thu hút vốn đầu tư và giảm thiểu rủi ro, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường tài chính. Ứng dụng công nghệ vào hoạt động kế toán và tài chính đã trở thành xu hướng quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu. Các phần mềm kế toán và hệ thống ERP giúp tự động hóa nhiều quy trình kế toán, từ ghi nhận giao dịch đến lập báo cáo tài chính, giảm thiểu thời gian và sai sót do con người gây ra. Tính tự động hóa này không chỉ tăng cường tính chính xác mà còn cải thiện tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính. Khi dữ liệu được ghi nhận và xử lý chính xác, báo cáo tài chính sẽ phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả kinh doanh, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật. Công nghệ cũng giúp nâng cao khả năng kiểm soát nội bộ, phát hiện và cảnh báo bất thường trong dữ liệu, từ đó ngăn chặn gian lận và sai lệch thông tin tài chính. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ củng cố niềm tin của nhà đầu tư mà còn hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn trên thị trường. Tóm lại, công nghệ giúp nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và đáp ứng yêu cầu minh bạch trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Kết quả nghiên cứu nhằm giúp cho các nhà đầu tư tại sở giao dịch chứng khoán TPHCM xác định được đâu là các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM.

Bảng 1. Diễn giải các biến trong mô hình

Giả thuyết	Ký hiệu	Diễn giải	Kỳ vọng
H1	QDN	Nhà quản trị doanh nghiệp	+
H2	MBC	Mục đích báo cáo tài chính	+
H3	BKT	Bộ máy kế toán	+
H4	CST	Chính sách thuế	+
H5	KNB	Kiểm tra kiểm soát nội bộ	+
H6	UCN	Công nghệ	+

Nguồn: Tổng hợp từ liên hệ lý thuyết

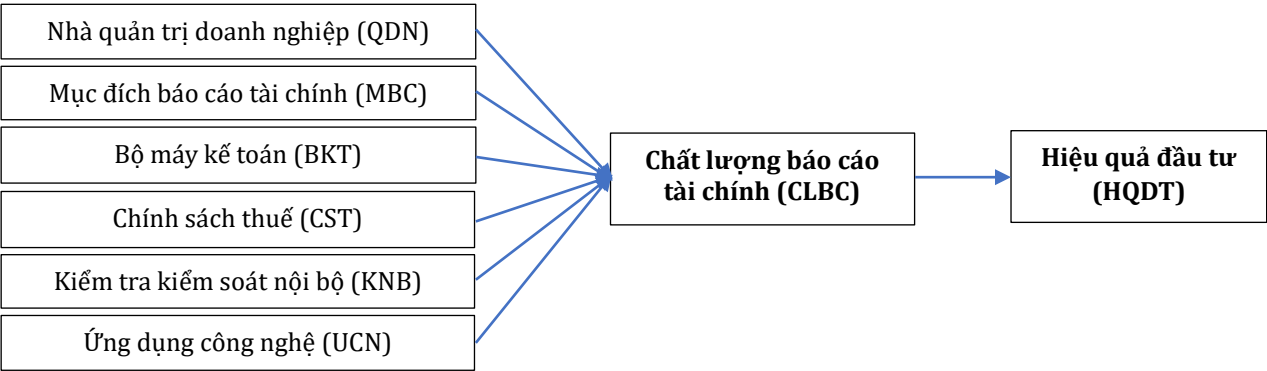
III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ THU THẬP DỮ LIỆU

A. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành thông qua 2 bước: Bước 1, nghiên cứu định tính bằng xây dựng phát triển hệ thống khái niệm/ thang đo và các biến quan sát và hiệu chỉnh biến quan sát phù hợp với thực tế; bước 2, nghiên cứu định lượng: sử dụng hệ số tin cậy Cronbach Alpha để kiểm định mức độ chặt chẽ mà các mục hỏi trong thang đo tương quan với nhau; phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để kiểm định các nhân tố ảnh hưởng và nhận diện các yếu tố được cho là phù hợp; đồng thời sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính đa biến xác định các nhân tố và mức độ tác động của từng nhân tố đến chất lượng báo cáo tài chính.

Thông qua khảo lược tài liệu, tham vấn chuyên gia, bên cạnh đó tác giả nghiên cứu sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để xác định có 6 nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính.

B. MÔ HÌNH ĐỀ XUẤT



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC và HQĐT

C. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU

Để phục vụ nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp sưu tầm tài liệu, phương pháp phỏng vấn các sinh viên và cựu sinh viên. Nội dung các câu hỏi là các biến quan sát đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến chất lượng báo cáo tài chính, tác giả sử dụng thang đo 5 Likert cho toàn bộ bảng hỏi: 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Bình thường; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

Phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này được thực hiện một cách hệ thống để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy. Quá trình bắt đầu bằng việc thiết kế bảng hỏi sơ bộ dựa trên lý thuyết và các nghiên cứu trước, sau đó được gửi đến các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp để thu thập ý kiến đánh giá. Các ý kiến từ chuyên gia giúp điều chỉnh câu hỏi, loại bỏ những câu không phù hợp và bổ sung các yếu tố quan trọng. Bảng hỏi đã chỉnh sửa sau đó được thử nghiệm trên nhóm 50 người, bao gồm các nhà đầu tư và chuyên gia tài chính để kiểm tra tính rõ ràng và khả thi của câu hỏi. Sau giai đoạn thử nghiệm, khảo sát chính thức được triển khai với hơn 400 người tham gia, bao gồm nhà đầu tư cá nhân và các chuyên gia tài chính, kế toán viên. Việc sử dụng bảng hỏi trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và đảm bảo tính khách quan. Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện minh bạch, từ thiết kế bảng hỏi, thử nghiệm sơ bộ đến khảo sát chính thức. Dữ liệu được lưu trữ an toàn và thông tin về mục đích nghiên cứu được cung cấp đầy đủ cho người tham gia, góp phần nâng cao độ tin cậy của kết quả. Khảo sát các nhà đầu tư, doanh nghiệp (trên sàn HOSE), nhân viên và nhà quản lý doanh nghiệp là một yếu tố quan trọng trong nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư. Lựa chọn nhóm đối tượng này đảm bảo tính đại diện cho các bên liên quan và cung cấp góc nhìn đa chiều. Nhà đầu tư cá nhân, những người trực tiếp chịu ảnh hưởng từ chất lượng báo cáo tài chính, thường dựa vào thông tin tài chính để quyết định mua, bán hoặc nắm giữ cổ phiếu. Họ đặc biệt quan tâm đến độ tin cậy và tính minh bạch của thông tin, dù hạn chế về kiến thức chuyên môn. Nhân viên trong doanh nghiệp, những người trực tiếp tham gia lập và kiểm tra báo cáo tài chính, giúp làm rõ các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo như chuẩn mực kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Nhà quản lý doanh nghiệp có góc nhìn chiến lược hơn, quyết định cách công bố thông tin để đạt được mục tiêu kinh doanh, và đôi khi điều chỉnh báo cáo tài chính để duy trì niềm tin từ cổ đông. Việc khảo sát ba nhóm này giúp nghiên cứu xây dựng một bức tranh toàn diện về ảnh hưởng của chất lượng báo cáo tài chính đến các quyết định kinh tế và cung cấp cơ sở thực tiễn để cải thiện chất lượng thông tin tài chính và hiệu quả thị trường vốn tại Việt Nam.

Để sử dụng kiểm định EFA, kích thước mẫu phải lớn. Theo Tabachnick et al (2007), quy mô mẫu có thể xác định theo công thức: $n \geq 50 + 8k$. Với k là số biến độc lập của mô hình. Trong nghiên cứu này, số lượng biến độc lập vào phân tích là 6 biến độc lập. Như vậy, cỡ mẫu cần có phải là: $n \geq 50 + 8 * 6 = 98$. Tác giả đã phát ra 470 bảng câu hỏi khảo sát thời gian từ tháng 04/2024 đến tháng 06/2024, thu về 421 phiếu, trong đó có 10 phiếu không hợp lệ, còn 49 phiếu không thu về được. Do đó, cỡ mẫu 411 lớn hơn cỡ mẫu tối thiểu là 98 và phù hợp.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY (CRONBACH'S ALPHA)

Bảng 2. Phân tích độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha

Thang đo	Biến quan sát ban đầu	Biến quan sát bị loại bỏ	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất
QDN	5	No	.899	.694
MBC	5	No	.930	.648
CST	5	No	.884	.684

KNB	5	No	.896	.694
UCN	5	No	.943	.770
BKT	5	No	.896	.708
CLBC	3	No	.899	.768
HQDT	3	No	.8.14	.645

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, các thang đo được trình bày ở Bảng 2: cho thấy các thang đo này có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6, tổng hệ số tương quan > 0,3. Không có biến bị loại trừ. Sau khi kiểm định, thang đo của nghiên cứu có 36 biến quan sát hợp lệ cho bước phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

B. PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ (EFA)

Từ kết quả khảo sát, dữ liệu được phân tích qua bước phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phần mềm SPSS 20, kết quả được trình bày ở Bảng 3 & Bảng 4:

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett

Kiểm định KMO và Bartlett		
Chỉ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) đánh giá mức độ thích hợp của mẫu.		.900
Kiểm định Bartlett về tính cầu phương	Xấp xỉ Chi-bình phương	11820.162
	Bậc tự do	630
	Mức ý nghĩa.	.000

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát

Bảng 4. Ma trận mẫu

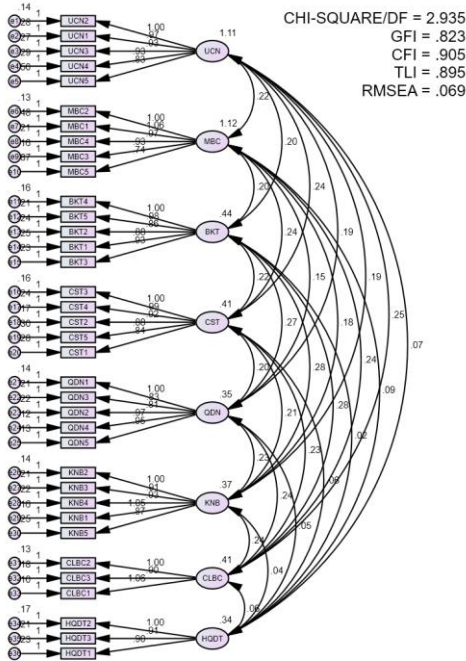
Ma trận mẫu								
	Nhân tố							
	1	2	3	4	5	6	7	8
UCN2	.913							
UCN1	.908							
UCN3	.896							
UCN4	.838							
UCN5	.831							
MBC2		.949						
MBC1		.909						
MBC4		.887						
MBC3		.881						
MBC5		.656						
BKT4			.930					
BKT5			.755					
BKT2			.739					
BKT1			.710					
BKT3			.701					
CST3				.853				
CST4				.804				
CST2				.788				

CST5				.736				
CST1				.712				
QDN1					.926			
QDN3					.779			
QDN2					.778			
QDN4					.711			
QDN5					.678			
KNB2						.886		
KNB3						.822		
KNB4						.750		
KNB1						.674		
KNB5						.634		
CLBC2							.906	
CLBC3							.804	
CLBC1							.788	
HQDT2								.794
HQDT3								.790
HQDT1								.714

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát

Kết quả phân tích cho thấy KMO > 0,5; kiểm tra Bartlett có giá trị p là 0,000 < 0,05; phương sai > 50%; hệ số tải nhân tố > 0,5 và hệ số Eigenvalue < 1. Hoàn thành phân tích ở bước EFA, các nhân tố đều phù hợp với bộ dữ liệu của nghiên cứu, có 36 biến quan sát được sử dụng cho phân tích tiếp theo (Gerbing & Anderson, 1988). Trong phân tích dữ liệu, kiểm tra độ lệch (Skewness) và độ nhọn (Kurtosis) cho thấy hầu hết các biến có phân phối xấp xỉ chuẩn, với giá trị Skewness và Kurtosis nằm trong khoảng ±1 đến ±3. Điều này đảm bảo tính hợp lệ của các phương pháp hồi quy tuyến tính. Ngoài ra, hiện tượng đa cộng tuyến không xuất hiện, với VIF nhỏ hơn 10.

C. PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHẢNG ĐỊNH (CFA)

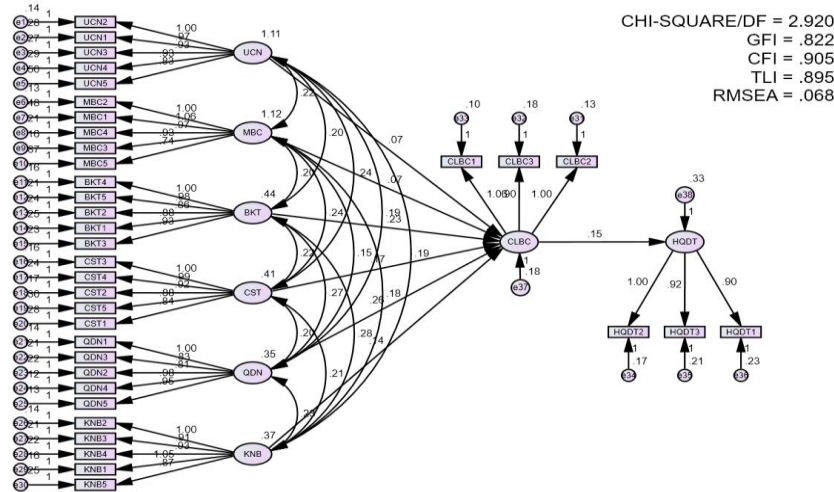


Hình 2. Kết quả CFA

CFA (Hình 1) thể hiện $p = 0,000$; Giá trị $GFI = 0,823$; $RMSEA = 0,069$; Chi-Square/df = 2,935 (nhỏ hơn 3), chấp nhận được; $CFI = 0,905 > 0,9$. Kết quả phân tích cho thấy số liệu chấp nhận được với mô hình đề xuất.

Kết quả kiểm định độ phù hợp của mô hình SEM trong nghiên cứu này cho thấy các chỉ số: $CFI = 0.905$, $GFI = 0.823$, và $RMSEA = 0.069$. Theo tiêu chuẩn quốc tế, $CFI \geq 0.90$ được xem là đạt yêu cầu, và với giá trị $CFI = 0.905$, mô hình đạt mức chấp nhận được. GFI , phản ánh mức độ phù hợp tổng thể của mô hình, có yêu cầu $GFI \geq 0.90$, nhưng một số nghiên cứu chấp nhận $GFI \geq 0.80$ cho mô hình phức tạp. Với giá trị $GFI = 0.823$, mô hình vẫn trong phạm vi chấp nhận được. $RMSEA$ đo lường mức độ sai lệch giữa mô hình và dữ liệu thực tế, với tiêu chuẩn $RMSEA \leq 0.08$ là tốt, và giá trị $RMSEA = 0.069$ cho thấy mức độ phù hợp đạt yêu cầu. Tổng thể, các chỉ số CFI , GFI và $RMSEA$ đều nằm trong phạm vi chấp nhận được, cho thấy mô hình SEM có độ phù hợp tương đối tốt. Tuy nhiên, nghiên cứu có thể bổ sung thêm các chỉ số như TLI hoặc $SRMR$ để đánh giá toàn diện hơn, đồng thời điều chỉnh các mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn để cải thiện các chỉ số chưa đạt ngưỡng lý tưởng như GFI .

D. KẾT QUẢ MÔ HÌNH CẤU TRÚC TUYẾN TÍNH (SEM)



Hình 3. Kết quả SEM

Phân tích SEM để kiểm tra mô hình và giả thuyết đã cho. Kết quả qua mô hình thử nghiệm có các chỉ số cho thấy mô hình cuối cùng phù hợp với dữ liệu: chi-square/df = 2,920; $GFI = 0,822$; $CFI = 0,905$, $RMSEA = 0,068$.

Quản trị doanh nghiệp (QDN) có ảnh hưởng lớn đến chất lượng báo cáo tài chính, với các hệ số R^2 từ 0.512 đến 0.729, cho thấy một phần lớn sự biến thiên trong chất lượng báo cáo có thể được giải thích bởi yếu tố này. QDN nâng cao chất lượng báo cáo thông qua việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, giám sát tuân thủ chuẩn mực kế toán và tạo ra môi trường minh bạch. Khi quản trị tốt, sai sót và gian lận sẽ được hạn chế, nâng cao tính trung thực và đáng tin cậy của thông tin tài chính. Ngược lại, Ứng dụng công nghệ (UCN) có mức tác động yếu hơn, với hệ số R^2 từ 0.606 đến 0.889. Mặc dù một số giá trị R^2 cao, nhưng tác động của công nghệ vẫn chưa rõ nét, chủ yếu do nhiều doanh nghiệp chưa đầu tư mạnh vào công nghệ tiên tiến hoặc chưa tích hợp đồng bộ phần mềm kế toán. Dù công nghệ cải thiện hiệu suất và tính chính xác, nhưng tính minh bạch tài chính vẫn phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố con người và hệ thống kiểm soát nội bộ. Do đó, quản trị doanh nghiệp hiện nay vẫn đóng vai trò quyết định trong chất lượng báo cáo tài chính.

Bảng 5. Trọng số hồi quy: (Nhóm số 1 - Mô hình mặc định)

			Ước lượng	Sai số chuẩn	Giá trị tới hạn	Giá trị P
CLBC	<---	UCN	.065	.025	2.585	.010
CLBC	<---	MBC	.069	.025	2.750	.006
CLBC	<---	BKT	.227	.065	3.475	***
CLBC	<---	CST	.175	.054	3.234	.001
CLBC	<---	QDN	.260	.068	3.834	***
CLBC	<---	KNB	.139	.067	2.060	.039
HQDT	<---	CLBC	.145	.052	2.799	.005

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát

Kết quả thống kê cho thấy các biến: UCN, MBC, BKT, CST, QDN, KNB đều có giá trị $P < 0,05$, điều này chứng tỏ tác động đáng kể đến CLBC (chất lượng báo cáo tài chính). Đồng thời, CLBC cũng có giá trị $P < 0,05$, do đó CLBC tác động mạnh đến HQDT (hiệu quả đầu tư)

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CLBC)

Ứng dụng công nghệ (UCN): Hệ số ước lượng (Estimate) là 0.065, với mức ý nghĩa $p = 0.010 (< 0.05)$. Điều này cho thấy UCN có ảnh hưởng tích cực đến CLBC và có ý nghĩa thống kê.

Mục đích báo cáo tài chính (MBC): Hệ số ước lượng là 0.069, với $p = 0.006 (< 0.01)$. Điều này chứng tỏ MBC có tác động đáng kể đến CLBC.

Bộ máy kế toán (BKT): Hệ số ước lượng là 0.227, với $p < 0.001$ cho thấy đây là yếu tố có tác động mạnh nhất đến CLBC trong số các biến độc lập.

Chính sách thuế (CST): Hệ số ước lượng 0.175, với $p = 0.001 (< 0.01)$, nghĩa là CST có ảnh hưởng đáng kể đến CLBC.

Nhà quản trị doanh nghiệp (QDN): Hệ số ước lượng 0.260, với $p < 0.001$ thể hiện QDN có tác động mạnh nhất đến CLBC.

Kiểm soát nội bộ (KNB): Hệ số ước lượng 0.139, với $p = 0.039 (< 0.05)$, cho thấy KNB có ảnh hưởng đáng kể nhưng yếu hơn so với các yếu tố khác.

Nhận xét: Các biến QDN, BKT và CST có ảnh hưởng mạnh nhất đến CLBC, trong khi UCN, MBC và KNB có ảnh hưởng nhỏ hơn nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê.

2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CLBC ĐẾN HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ (HQDT)

Hệ số ước lượng của CLBC đến HQDT là 0.145, với $p = 0.005 (< 0.01)$. Điều này chứng tỏ CLBC có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa đến HQDT.

3. KẾT LUẬN

Tất cả các yếu tố tác động đến CLBC đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$).

Nhà quản trị doanh nghiệp (QDN) có ảnh hưởng mạnh nhất đến CLBC, tiếp theo là Bộ máy kế toán (BKT) và Chính sách thuế (CST).

Chất lượng báo cáo tài chính (CLBC) có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả đầu tư (HQDT).

Ứng dụng công nghệ (UCN) có tác động nhỏ nhất nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê.

B. KHUYẾN NGHỊ

Xuất phát từ kết quả kiểm định, tác giả đưa ra một số đề xuất:

Thứ nhất, tăng cường vai trò nhà quản trị doanh nghiệp. Nhà quản trị có ảnh hưởng mạnh nhất đến CLBC: Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là trách nhiệm giải trình và đạo đức nghề nghiệp của nhà quản trị đồng thời đào tạo và phát triển năng lực lãnh đạo tài chính cho các nhà quản trị để hiểu rõ các tiêu chuẩn kế toán và báo cáo tài chính minh bạch. Ngoài ra, tăng cường cơ chế giám sát nội bộ để đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Thứ hai, củng cố bộ máy kế toán (BKT) để nâng cao CLBC. Bộ máy kế toán có tác động đáng kể đến CLBC: Chuẩn hóa hệ thống kế toán theo các chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) nhằm tăng tính minh bạch và khả năng so sánh của báo cáo tài chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kế toán để tăng độ chính xác và giảm sai sót trong xử lý dữ liệu tài chính; nâng cao chất lượng nhân sự kế toán thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, đảm bảo đội ngũ kế toán viên có năng lực chuyên môn vững vàng.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách thuế (CST) để hỗ trợ báo cáo tài chính minh bạch: Thiết lập chính sách thuế ổn định, minh bạch, giúp doanh nghiệp dễ dàng tuân thủ và hạn chế các hành vi gian lận thuế; tăng cường kiểm tra, giám sát thuế để đảm bảo báo cáo tài chính không bị điều chỉnh nhằm trốn thuế; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc khai báo thuế bằng cách đơn giản hóa thủ tục kê khai và áp dụng công nghệ số trong quản lý thuế.

Thứ tư, thúc đẩy ứng dụng công nghệ (UCN) để nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính: Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán hiện đại để tăng độ chính xác và giảm gian lận tài chính; phát triển hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) nhằm tích hợp toàn bộ quy trình kế toán và tài chính vào một nền tảng duy nhất, giúp kiểm soát dữ liệu hiệu quả hơn; tăng cường bảo mật dữ liệu kế toán để đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của báo cáo tài chính.

Thứ năm, cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ (KNB) để nâng cao tính minh bạch: Tăng cường cơ chế giám sát nội bộ để phát hiện kịp thời sai phạm trong lập báo cáo tài chính; xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đảm bảo quy trình kiểm toán nội bộ minh bạch, giảm thiểu gian lận và sai sót trong báo cáo tài chính; tăng cường vai trò của kiểm toán nội bộ, yêu cầu doanh nghiệp có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập để giám sát tính minh bạch của báo cáo tài chính.

Thứ sáu, đặc biệt là xây dựng hệ thống báo cáo tài chính hướng đến hiệu quả đầu tư (HQDT). Chất lượng báo cáo tài chính có tác động tích cực đến hiệu quả đầu tư ($\text{Estimate} = 0.145, p = 0.005$), do đó cần: Đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin tài chính để tăng niềm tin của nhà đầu tư vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp; tăng cường tính chính xác và kịp thời của báo cáo tài chính, giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn; thực hiện kiểm toán độc lập thường xuyên nhằm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh đúng thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Ngoài ra Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát báo cáo tài chính để đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ pháp luật. Tại Việt Nam, Bộ Tài chính (MOF) chịu trách nhiệm quản lý và giám sát hoạt động kế toán, kiểm toán qua các cơ quan như Vụ Chính sách kế toán và kiểm toán (AAPD). Nhà nước thiết lập khuôn khổ pháp lý như Luật Kế toán 2015 và các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS) nhằm đảm bảo thông tin tài chính minh bạch. Việc chuyển đổi sang Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS) vào năm 2025 sẽ nâng cao tính minh bạch và khả năng so sánh quốc tế. Nhà nước cũng thực hiện giám sát qua kiểm tra định kỳ, yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết nộp báo cáo tài chính cho các cơ quan nhà nước và yêu cầu kiểm toán độc lập. Đồng thời, nhà nước giám sát các tổ chức kiểm toán để đảm bảo tuân thủ quy trình và tiêu chuẩn chuyên môn. Tóm lại, vai trò của nhà nước trong giám sát báo cáo tài chính không chỉ duy trì minh bạch mà còn củng cố niềm tin của nhà đầu tư, thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu này có giá trị khoa học và thực tiễn cao nhưng cũng tồn tại một số giới hạn. Một giới hạn chính là mẫu khảo sát chỉ tập trung vào các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE), do đó có thể thiếu tính đại diện cho toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và thị trường UPCoM. Nghiên cứu cũng chưa xem xét tác động của các yếu tố ngoại cảnh như biến động thị trường hoặc khủng hoảng kinh tế, ví dụ như đại dịch COVID-19, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thêm vào đó, nghiên cứu chưa phân tích đầy đủ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong giám sát chất lượng báo cáo tài chính, mặc dù các quy định pháp luật và chế tài xử phạt có ảnh hưởng lớn đến minh bạch thông tin tài chính. Để khắc phục, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi khảo sát sang các sàn giao dịch khác và tích hợp thêm yếu tố vĩ mô như biến động thị trường và vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, từ đó đánh giá toàn diện hơn về mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả đầu tư.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số: H2023-09.

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. T. N. Nga và L. T. Mến, “Sự ảnh hưởng của đặc điểm giám đốc điều hành đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty nhóm ngành công nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,” *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, số 68, tr. 51–65, 2022.
- [2] H. T. P. Anh, V. M. Hà và N. T. T. Hồng, “Ảnh hưởng của chất lượng báo cáo tài chính và nợ ngắn hạn đến hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE),” *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, số 13, tr. 66–82, 2017.
- [3] N. H. Thảo và T. V. Thảo, “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,” *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 2018.
- [4] N. T. P. Hồng và H. Lợi, “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán – bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam,” *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 2016.
- [5] N. T. K. Loan, N. T. K. Cúc và N. A. Hiền, “Ảnh hưởng các đặc điểm của CEO đến chất lượng báo cáo tài chính, tác động đến hiệu quả đầu tư của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam,” *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 2023.
- [6] H. T. P. Anh, V. M. Hà, và N. T. T. Hồng, “Ảnh hưởng của chất lượng báo cáo tài chính và nợ ngắn hạn đến hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE),” *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 66–82, 2018.

- [7] Đ. H. A. Thu và L. T. M. Hạnh, “Các nhân tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của báo cáo tài chính: Thực nghiệm tại các công ty niêm yết có vốn đầu tư nước ngoài trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,” *Tạp chí Tài chính*, 2018.
- [8] V. H. Trần và M. T. H. Minh, “Các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty xây dựng niêm yết trên Sàn chứng khoán HSX,” *UEH Digital Repository*, 2019. [Online]. Available: <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/59815>
- [9] V. T. P. Mai và N. P. Sinh, “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính đối với các công ty niêm yết có giao dịch sản phẩm phái sinh trên thị trường chứng khoán,” *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 2017.
- [10] N. Đ. T. Linh và V. V. Nhị, “Ảnh hưởng của cơ cấu quản trị công ty đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam,” *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 2021.
- [11] H. T. H. Lê, Đ. T. Huyền và P. T. Dương, “Tác động của cấu trúc kiểm soát nội bộ đến hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam,” *Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông*, tr. 30–41, 2022.
- [12] M. C. Jensen and W. H. Meckling, “Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure,” *J. Financ. Econ.*, vol. 3, pp. 305–360, 1976.
- [13] A. Chtaoui, M. Darif, M. Benhrimida, A. Sadiki, O. Farrat, and Z. Hajji, “Agency theory in the relationship between owners and managers: Conflicts of interest and agency costs,” *Int. J. Sup. Chain. Mgt.*, vol. 3, 2004.
- [14] K. A. Basoglu and T. J. Hess, “Online business reporting: A signaling theory perspective,” *J. Inf. Syst.*, vol. 28, no. 2, pp. 67–101, 2014.
- [15] W. Abebaw, “Factors affecting financial reporting quality of business firms in Debre Markos Town,” *Afr. J. Econ.*, vol. 4, pp. 21–31, 2020.
- [16] H. Setiyawati, N. Hidayah, D. N. Rahmatika and D. Indriasih, “The factors that affect the quality of financial reporting,” *J. Account. Res.*, 2020.
- [17] B. Gardi, P. A. Hamza, K. S. Qader, H. A. Hamad and G. Anwar, “Factors affecting the quality of financial statements on investment decision making,” *Int. J. Engl. Lit. Soc. Sci.*, vol. 6, 2021.
- [18] Q. T. Pham, T. G. T. Tran, T. T. H. Bui, T. P. L. Nguyen and A. T. Bui, “Impacts of tax enforcement and independent audit on financial reporting quality through the internal control effectiveness: Evidence from Vietnam enterprises,” *Cogent Soc. Sci.*, pp. 1–27, 2023.
- [19] D. N. Hung, V. T. T. Van và L. Archer, “Factors affecting the quality of financial statements from an audit point of view: A machine learning approach,” *Cogent Bus. Manag.*, vol. 10, 2023.
- [20] B. N. T. Shatnawi and T. A. Taber, “The role of using modern managerial accounting techniques in reducing production costs in the listed industrial companies on the Amman Stock Exchange,” *Int. J. Sup. Chain. Mgt.*, vol. 9, 2020.
- [21] A. Arisandi, H. A. Islami and R. R. W. N. Soeprajitno, “Internal control disclosure and financial reporting quality: Evidence from the banking sector in Indonesia,” *J. Bank. Financ.*, pp. 1–23, 2022.
- [22] H. T. Nguyen, N. P. Do and T. H. Nguyen, “The relation between information asymmetry and firm value: Empirical evidence from Vietnamese listed firms,” *VNUJ. Econ. Bus.*, vol. 5, pp. 45–54, 2021.
- [23] K. A. Basoglu and T. J. Hess, “Online business reporting: A signaling theory perspective,” *J. Inf. Syst.*, vol. 28, no. 2, pp. 67–101, 2014.
- [24] K. Anwar and H. Balcioğlu, “The relationship between transformational leadership characteristics and effectiveness: A case study of construction companies in Erbil,” *Int. J. Sci. Technol. Manag.*, vol. 5, pp. 250–256, 2016.
- [25] M. T. H. Minh và T. V. Hải, “Các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty xây dựng niêm yết trên Sàn chứng khoán HSX,” *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 2019.
- [26] Chtaoui, M. Darif, M. Benhrimida, A. Sadiki, O. Farrat and Z. Hajji, “The manipulation of financial statements: A theoretical explanation,” *J. Financ. Fraud*, vol. 12, pp. 3218–3224, 2024.
- [27] S. R. Ayagi and M. Salisu, “Financial reporting quality and information asymmetry: A review of empirical literature,” *Econ. Rev. J.*, pp. 19–29, 2023.

THE RELATIONSHIP BETWEEN FINANCIAL REPORTING QUALITY AND INVESTMENT EFFICIENCY AT THE HO CHI MINH STOCK EXCHANGE

Vo Dinh Phung

ABSTRACT— This study examines the relationship between financial reporting quality and investment efficiency on the Ho Chi Minh Stock Exchange. Financial reporting quality plays an important role in attracting investment, mitigating risks, and promoting transparency in the stock market. The research uses both qualitative and quantitative methods to identify influencing factors, including corporate governance, reporting objectives, accounting systems, tax policies, internal control, and technology. The findings reveal that technology has the most significant impact on financial reporting quality. Based on these results, the study proposes several solutions to enhance financial reporting quality and improve investment efficiency.

Keywords — Financial reporting quality, Investment efficiency, Stock market



Võ Đình Phụng - Kỹ sư Cơ khí tại Trường Đại học Bách Khoa TpHCM(1992); Cử nhân Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế tpHCM (1998); Thạc sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế TpHCM (2004) và Cử nhân Ngoại ngữ Anh tại Trường Ngoại ngữ và Tin học TpHCM (2017).

Hiện là nghiên cứu sinh kinh tế tại Học viện Tài chính. Từ năm 1994 đến nay, đã kinh qua các công việc như: Phó phòng Kế toán tại công ty Bitis; Kế toán trưởng, Phó giám đốc tại công ty TNHH Âu Cơ; Giám đốc Tài chính tại Công ty Thành Tân Tiến và tư vấn tài chính, kế toán cho một số công ty khác. Lĩnh vực quan tâm hiện nay là Kế toán-Kiểm toán với mục tiêu là chứng chỉ ACCA và lĩnh vực tài chính đặc biệt là nghiên cứu quy luật về biến động giá cổ phiếu.